

Số: 3595/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Đ, ngày 20 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ-THÀNH PHỐ M**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2012/2022/HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1/ Ông Bùi Trọng T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 32 đường TL, Tổ 7, Khu phố 3, phường PLA, thành phố Đ, Thành phố M.

2/ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số 32 đường TL, Tổ 7, Khu phố 3, phường PLA, thành phố Đ, Thành phố M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là việc dân sự và người yêu cầu hiện cư trú tại thành phố Đ. Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Bùi Trọng T và bà Phạm Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Bùi Trọng T và bà Phạm Thị T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn vì trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông T và bà T đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy: Ông Bùi Trọng T và bà Phạm Thị T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 29, tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện QL, tỉnh NA cấp ngày 20/12/2021. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông T và bà T có nhiều khác biệt về quan điểm, lối sống, hai bên không thể chia sẻ và nhận thấy không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông T và bà T đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống, chăm lo cho con.

Xét mâu thuẫn giữa ông T và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T và bà T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Ông Bùi Trọng T và bà Phạm Thị T có 01 con chung tên: Bùi Trọng N, sinh ngày 26/09/2021. Hai bên thống nhất giao trẻ Bùi Trọng N cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Bùi Trọng T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho đến khi trẻ Bùi Trọng N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng thực hiện vào ngày 30 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Xét sự thỏa thuận trên của ông T và bà T không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị T tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Bùi Trọng T và bà Phạm Thị T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số: 29, tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện QL, tỉnh NA cấp ngày 20/12/2021 sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Bùi Trọng T và bà Phạm Thị T có 01 con chung tên: Bùi Trọng N, sinh ngày 26/09/2021. Hai bên thống nhất giao trẻ Bùi Trọng N cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Bùi Trọng T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho đến khi trẻ Bùi Trọng N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng thực hiện vào ngày 30 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Ông T và bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà T đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0028312 ngày 31 tháng 08 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ;
- Ủy ban nhân dân xã TT, huyện QL, tỉnh NA
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu